

Reading trang 31-32 SBT Tiếng Anh 10

Part 1 (trang 31-32 sbt Tiếng Anh 10): Read the passage...(Đọc đoạn văn và chọn câu trả lời đúng nhất để hoàn thành các câu sau)

1. C 2. C 3. D 4. C 5. A 6. B

Part 2 (trang 32 sbt Tiếng Anh 10): Fill each blank...(Điền vào chỗ trống một từ phù hợp ở trong bảng)

1. by 2. working 3. think 4. over 5. given
6. sizes 7. computers 8. programs 9. to 10. cannot

Hướng dẫn dịch:

Mọi người bị thu hút bởi người máy. Những quyển sách và phim viễn tưởng nuôi dưỡng trí tưởng tượng của con người, làm họ suy nghĩ về khả năng người máy chung sống và làm việc cùng con người. Người máy có thể trông giống người, làm việc như con người và nghĩ như con người không? Trong tương lai, điều gì cũng là có thể. Ngay ở ngày nay, Có hàng chục nghìn người máy đang làm việc trên toàn thế giới.

Người máy là cái tên được đặt cho bất kì cỗ máy nào có thể làm việc một cách tự động. Những cỗ máy này có nhiều hình dạng và kích thước. Có thể tạo ra một người máy trong hình dạng của con người nhưng hầu hết người máy trông giống máy móc dùng cho mục đích cụ thể, Mọi người viết chương trình cho máy tính điều khiển người máy. Người máy có thể cảm nhận được môi trường xung quanh chúng và đáp lại. Chúng có thể hoàn thành một vài bước trong một quy trình và có thể thử những phương thức khác nếu một phương thức không hiệu quả. Máy móc bình thường không thể làm được điều này

Language Focus trang 33-35 SBT Tiếng Anh 10

Exercise 1 (trang 33 sbt Tiếng Anh 10): Tick the column...(Đánh dấu vào cột tương ứng với âm của chữ cái được gạch chân. Chúng đều là những nguyên âm đơn)

/ u/ /u:/

woman x

blue x

football x

pulling x
sugar x
could x
soup x
good x
smooth x
full x

Exercise 2 (trang 33-34 sbt Tiếng Anh 10): Write the sentences using the passive. (Viết lại câu sử dụng dạng bị động)

1. Complaints should be sent to the main office.
2. Your car might have been stolen if you had left the keys in it.
3. The fire could have been caused by a short circuit.
4. The bank near our house has been robbed.
5. I was told to wait outside.
6. She has not been invited to the party.
7. They have been driven to the airport.
8. We were not sent any tickets.
9. Has my bedroom been decorated?
10. Were you disturbed (by anything) in the night?

Exercise 3 (trang 34 sbt Tiếng Anh 10): Put the verbs...(Chuyển động từ trong ngoặc về dạng đúng, chủ động hoặc bị động)

1. were caught
2. were leaving/left
3. arrived
4. had caught
5. are emptied
6. hadn't been delivered
7. has been missing
8. don't you like
9. love
10. were overtaken

Hướng dẫn dịch:

- a. Những tên cướp bị bắt khi chúng đang rời khỏi ngân hàng.

- b. Hương về đến nhà tìm thấy lông vũ ở mọi nơi. Con mèo của cô ấy đã bắt một con chim.
- c. Thùng rác được đổ vào thứ Năm.
- d. Ông Cường đã rất tức giận với người đưa báo vì báo của ông không được giao đến.
- e. Dì Lucy đang có một khoảng thời gian buồn bã. Con chó của dì đang đi lạc.
- f. Sao cậu lại không thích đến xem opera. Chúng tôi rất yêu thích nó.
- g. Chúng tôi lái xe xuống đoạn đường nông thôn yên lặng khi chúng tôi bị bắt bởi cảnh sát.

Exercise 4 (trang 34-35 sbt Tiếng Anh 10): Complete sentences...(Hoàn thành các câu từ 1-5, sử dụng đại từ quan hệ nếu cần)

1. The man who is talking to my father spent fifteen minutes measuring our kitchen last week. / The man who spent fifteen minutes measuring our kitchen last week is talking to my father.
2. The architect who designed these flats has moved to Ho Chi Minh City. / The architect who has moved to Ho Chi Minh City designed these flats.
3. The young man who lives on the corner rides an expensive motorbike. / The young man who rides an expensive motorbike lives on the corner.
4. I'm reading the book which I bought in Sydney in 1996.
5. I will introduce to you the man who is sharing the flat with me.

Hướng dẫn dịch:

1. Người đàn ông đang nói chuyện với cha tôi đã mất 15 phút đo bếp của chúng tôi tuần trước.
2. Kiến trúc sư người đã thiết kế tòa nhà này đã chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh.
3. Người đàn ông trẻ sống ở góc lái một chiếc xe mô tô rất đắt tiền.
4. Tôi đang đọc cuốn sách tôi mua ở Sydney năm 1996.
5. Tôi sẽ giới thiệu với bạn cậu bạn sống cùng căn hộ với tôi

Speaking trang 35-36 SBT Tiếng Anh 10

Exercise 1 (trang 35 sbt Tiếng Anh 10): Read the following passage...(Đọc đoạn văn sau và kể lại theo lời của bạn)

Hướng dẫn dịch:

Cả truyền hình và máy tính đều có một tác động rất lớn đến cuộc sống của chúng tôi, và mặc dù ảnh hưởng của máy tính dường như đã đạt đến đỉnh cao của nó, máy tính đã chứng minh rằng nó có tác động sâu rộng đến cách chúng ta làm mọi thứ.

Truyền hình và máy tính cung cấp sự truy cập nhanh đến thông tin và giải trí. Cả hai đều có một cái gì đó cho mọi người, cả ngày lẫn đêm. Cho dù bạn muốn kiểm tra thời tiết hoặc tin tức mới nhất, một trong hai TV hoặc máy tính kết nối Internet là sự lựa chọn đối với nhiều người.

Truyền hình có ảnh hưởng lớn đến cách chúng ta suy nghĩ và nói chuyện. Nó có thể được tắt và bỏ qua. Máy tính, mặt khác, ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn ngay cả khi bạn không sử dụng chúng tại nhà hoặc tại nơi làm việc. Giao thông công cộng được điều khiển bởi một máy tính. Tòa nhà, nhà ở, quần áo, và thậm chí đôi giày được thiết kế bởi một máy tính.

Trong khi đó, truyền hình cung cấp chủ yếu là thông tin và giải trí, máy tính cũng cung cấp nó và nhiều hơn nữa nhờ có nhiều ứng dụng của nó trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh, công nghiệp, chính phủ, và cuộc sống cá nhân của chúng ta.

Exercise 2 (trang 36 sbt Tiếng Anh 10): Talk about the advantages... (Nói về lợi ích và bất lợi của máy tính, sử dụng những gợi ý sau)

Advantages

Disadvantages

do shopping

calculate

play games

write and send letters

control flights, central heating system

learn foreign language

obtain information

Writing trang 36-37 SBT Tiếng Anh 10

Exercise 1 (trang 36 sbt Tiếng Anh 10): Use the prompts below...(Sử dụng gợi ý dưới đây để viết một bộ hướng dẫn)

First, boil the water. Next, rinse the teapot and cups with hot water. Make sure that the teapot is hot. Then fill the teapot with some tea and hot water. Make sure not to use too much tea. Then close the lid. Wait for (about) three or four minutes. Then pour the tea into the cups. Remember (that) the tea should be served hot.

Hướng dẫn dịch:

Đầu tiên, đun sôi nước. Sau đó, tráng ấm trà và tách với nước nóng. Chắc chắn rằng ấm trà nóng. Tiếp theo đổ trà và nước nóng vào ấm trà. Chắc chắn rằng không sử dụng quá nhiều trà. Đóng nắp ấm trà. Chờ khoảng 3 đến 4 phút. Sau đó, đổ trà vào tách. Nhớ rằng trà nên được dùng nóng.

Exercise 2 (trang 37 sbt Tiếng Anh 10): Write a set of instructions...(Viết một bộ hướng dẫn về nấu cơm bằng bếp gas)

First rinse the cooking pot. Next wash the rice and boil the water. Pour the rice into the pot while the water is boiling. Then stir the rice with two chopsticks. After that, keep the fire low and wait for (about) 10 minutes for the rice to be cooked.

Hướng dẫn dịch:

Đầu tiên, tráng nồi. Tiếp theo vo gạo và đun nước. Đổ gạo vào nồi khi nước đang sôi. Sau đó đảo gạo với hai chiếc đũa. Sau đó, giữ lửa nhỏ và đợi khoảng 10 phút đến khi chín